

**CÔNG TY TNHH MTV TM DV ANH HUY HOÀNG**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH MTV TM DV ANH HUY HOÀNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 3703013752

**3. Ngày thành lập:** 17/11/2021

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

TĐ số 1215 TBD 1, Đường ĐT 743A, Khu phố Quyết Thắng, Phường Bình Thắng, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0918215679

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Mã ngành    |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác<br>Chi tiết: Mua bán xe ô tô; Mua bán phụ tùng ô tô, xe chuyên dụng; Xuất nhập khẩu xe ô tô; Xuất nhập khẩu phụ tùng ô tô, xe chuyên dụng; phụ tùng xe ô tô                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4511(Chính) |
| 2.  | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác<br>Chi tiết: Dịch vụ bảo hành, bảo trì, sửa chữa, bảo dưỡng xe ô tô, xe chuyên dùng (không gia công cơ khí, sơn, xi mạ điện, tái chế phế thải tại trụ sở)                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4520        |
| 3.  | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác<br>Chi tiết: Mua bán phụ tùng xe ô tô; Xuất nhập khẩu phụ tùng xe ô tô                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4530        |
| 4.  | Bán mô tô, xe máy<br>chi tiết: Mua bán phụ tùng xe gắn máy; Xuất nhập khẩu phụ tùng xe gắn máy                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4541        |
| 5.  | Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy<br>chi tiết: sửa chữa phụ tùng xe gắn máy (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4542        |
| 6.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị môi trường, xây dựng, thiết bị điện, vật liệu điện; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dùng trong ngành xây dựng; Mua bán máy móc, thiết bị ngành công nghiệp; Xuất nhập khẩu máy móc, thiết bị môi trường, xây dựng, thiết bị điện, vật liệu điện; Xuất nhập khẩu máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dùng trong ngành xây dựng; Xuất nhập khẩu máy móc, thiết bị ngành công nghiệp | 4659        |
| 7.  | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 7710        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 8.  | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 2592 |
| 9.  | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)<br>Chi tiết: Vận tải hành khách đường bộ, kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng, theo tuyến cố định                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4931 |
| 10. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết: Vận chuyển hành khách theo hợp đồng, theo tuyến cố định.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4932 |
| 11. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng, Vận tải hàng hóa bằng ô tô loại khác (trừ ô tô chuyên dụng), Vận tải hàng hóa bằng xe thô sơ, vận tải hàng hóa bằng phương tiện đường bộ khác; Vận tải hàng hóa bằng xe container                                                                                                                                                                                                                                  | 4933 |
| 12. | Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 5012 |
| 13. | Vận tải hành khách đường thủy nội địa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 5021 |
| 14. | Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 5022 |
| 15. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa<br>(Không bao gồm kinh doanh bất động sản)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 5210 |
| 16. | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 5224 |
| 17. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 5225 |
| 18. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết: Dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu - Dịch vụ đại lý tàu biển - Dịch vụ đại lý vận tải đường biển - Dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải chưa được phân vào đâu - Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay; - Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan; - Hoạt động của các đại lý vận tải hàng hóa, kể cả dịch vụ liên quan tới hậu cần; - Dịch vụ logistic (không bao gồm : Dịch vụ vận tải hàng hóa, dịch vụ bưu chính) | 5229 |
| 19. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 3312 |
| 20. | Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 3315 |
| 21. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 3320 |

**6. Vốn điều lệ:** 1.600.000.000 VNĐ

### 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên:

Giới tính:

Sinh ngày:

Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân:

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Địa chỉ liên lạc:

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN THUY HOÀNG ANH

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 02/11/1980

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 075180001526

Ngày cấp: 19/04/2021

Nơi cấp: Cục Trưởng Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Địa chỉ thường trú: Số 3A/8 Khu phố Quyết Thắng, Phường Bình Thắng, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 3A/8 Khu phố Quyết Thắng, Phường Bình Thắng, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bình Dương